

phq?

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4520/TTr-STC ngày 24/8/2017 và số 5274/BC-STC ngày 02/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2017 và thay thế các quyết định sau:

1. Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 2, Điều 6 Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động -Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh -Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, chính sách về nhà ở xã hội, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giảm nghèo bền vững và thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn.
2. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, chính sách về nhà ở xã hội.
3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; tổ tiết kiệm và vay vốn.
4. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và điều kiện vay vốn theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại quy chế này.
2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng vay vốn.
3. NHCSXH tỉnh (huyện) và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được vay vốn.
4. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay

1. Tạo lập vốn từ nguồn ngân sách tỉnh (huyện)

a) Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) chủ trì phối hợp với Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan, tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp bố trí để bổ sung nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) ủy thác qua NHCSXH tỉnh (huyện) để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. UBND tỉnh (huyện) trình Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp ban hành nghị quyết về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, trong đó có nguồn chi cho vay ủy thác qua NHCSXH tỉnh (huyện).

b) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn cho vay ủy thác được UBND tỉnh (huyện) và HĐND cùng cấp phê chuẩn, Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) chuyển vốn ngân sách vào tài khoản NHCSXH tỉnh (huyện) tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.

3. Tạo lập từ nguồn trích quỹ: Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

4. Trường hợp do chính sách chế độ nhà nước thay đổi: Ngân sách thiếu nguồn hoặc không có nguồn tạo lập vốn cho vay ưu đãi hoặc lãi suất thấp không đủ bù đắp chi phí thì Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) xem xét báo cáo UBND tỉnh (huyện) trình HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 5. Cơ chế cho vay ủy thác

1. Cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002; Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay hiện hành của NHCSXH có liên quan.

Cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được điều chỉnh bổ sung hoặc thực hiện theo quy định của Chính phủ khi điều chỉnh các chính sách cho vay.

2. Cho vay mang tính đặc thù địa phương: Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính, các sở, ban, ngành xem xét cụ thể nội dung các đối tượng chính sách đặc thù để ghi trong hợp đồng ủy thác cho vay.

3. Đối tượng vay vốn

a) Chương trình cho vay hộ nghèo

Đối tượng cho vay gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo chuẩn địa phương.

b) Chương trình giải quyết việc làm

Đối tượng cho vay gồm: Các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc để tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của UBND cấp xã về cư trú hợp pháp tại địa phương.

c) Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Đối tượng cho vay gồm: Các hộ gia đình chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường hoặc có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được UBND cấp xã xác nhận.

- Địa bàn cho vay: Tất cả các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Đồng Nai.

d) Chương trình cho vay chính sách về nhà ở xã hội: Đối tượng cho vay thực hiện theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

e) Đối tượng thuộc các chương trình cho vay khác khi có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Mức cho vay: Theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay.

5. Thời hạn vay: Theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay.

6. Lãi suất cho vay: Áp dụng mức lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ cho từng chương trình áp dụng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Quy trình thủ tục cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của NHCSXH.

8. Xử lý vi phạm vay vốn: Nghiêm cấm người vay và người cho vay vốn có hành vi lợi dụng, tham ô, cố tình không trả nợ gốc, lãi hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích. Những tổ chức, cá nhân vi phạm cơ chế cho vay sẽ tùy tính chất và mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Các trường hợp vay vốn bị rủi ro khách quan được xử lý theo quy định của Quy chế này.

Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo quy định của NHCSXH.

Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác

NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức trích là 60% số tiền lãi thu được.

Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

3. Trích cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được.

a) Chi hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh, huyện và một số cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã có tỷ lệ hộ nghèo cao là 12% số tiền lãi thu được. Giao Sở Lao động -Thương binh và Xã hội xây dựng quy chế chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Nguyên tắc chi: Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh, huyện hàng năm căn cứ nhu cầu hoạt động xây dựng dự toán chi nhưng không vượt quá tỷ lệ trích 12% số tiền lãi theo quy định trên và quyết toán trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo chế độ tài chính kế toán hiện hành.

- Nội dung chi: Căn cứ tình hình thực tế để chi hoạt động đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo giảm nghèo và phù hợp với các chính sách chế độ hiện hành.

b) Chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp là 3% số tiền lãi thu được.

- Nguyên tắc chi: Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp hàng năm căn cứ vào kế hoạch kiểm tra, giám sát và chương trình

phát động thi đua để xây dựng dự toán chi nhưng không vượt quá tỷ lệ trích 3% số tiền lãi theo quy định trên và quyết toán trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo chế độ tài chính kế toán hiện hành.

- Nội dung chi: Căn cứ tình hình thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát và kết quả thực hiện các phong trào thi đua để chi khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp xuất sắc trong hoạt động của NHCSXH tại địa phương và phù hợp với các chính sách chế độ hiện hành.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác cho vay.

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài cơ chế này, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) và các đơn vị liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh) do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay

Xử lý hồ sơ theo đúng cơ chế hiện hành; hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của bộ hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của khách hàng, tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản đề nghị xử lý nợ rủi ro gửi Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) và Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội, kèm bộ hồ sơ xử lý nợ của khách hàng.

b) Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Chi đạo giảm nghèo (BCĐGN) cấp tỉnh, cấp huyện

Phối hợp với NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện kiểm tra hồ sơ nợ rủi ro, đề nghị khoan nợ, giãn nợ và xóa nợ cho khách hàng, tổng hợp gửi Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch) thẩm định trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định.

c) Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch):

- Căn cứ hồ sơ xử lý nợ rủi ro do NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện cung cấp, căn cứ báo cáo của BCĐGN cấp tỉnh, cấp huyện và ý kiến Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội để kiểm tra, thẩm định; nếu hồ sơ xử lý nợ rủi ro đủ cơ sở pháp lý thì trình UBND tỉnh (huyện) quyết định.

- Trường hợp những khoản nợ bị rủi ro chưa đủ cơ sở pháp lý thì đề nghị thành lập đoàn kiểm tra khảo sát thực tế, có biên bản xác minh cụ thể, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (huyện) xem xét quyết định.

4. Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro:

a) Nguồn vốn để xóa nợ rủi ro cho khách hàng được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; Sở Tài chính (phòng Tài chính -Kế hoạch) phối hợp với Sở (phòng) Lao động -Thương binh và Xã hội, NHCSXH cấp tỉnh (huyện) báo cáo UBND cùng cấp phân bổ ngân sách địa phương để xử lý nợ hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh (huyện).

c) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua phòng giao dịch NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện và phòng Tài chính Kế hoạch, phòng Lao động -Thương binh và Xã hội huyện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính (phòng Tài chính -Kế hoạch)

a) Căn cứ Nghị quyết HĐND tỉnh và các văn bản pháp lý liên quan bố trí nguồn kinh phí cho vay, chuyển tiền ủy thác qua NHCSXH tỉnh (huyện) theo đúng kế hoạch. Đối với những trường hợp phát sinh trên cơ sở đề nghị của NHCSXH tỉnh (huyện), Sở Tài chính (phòng Tài chính -Kế hoạch) cân đối nguồn vốn tham mưu báo cáo UBND tỉnh (huyện) để trình HĐND cùng cấp phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác nhằm thực hiện cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn tại NHCSXH.

c) Phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với trường hợp quy mô của đợt xóa

nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 7 Quy chế này và thực hiện báo cáo UBND tỉnh (huyện) về việc phân phối lãi, bổ sung vốn ủy thác, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng và điều chỉnh tỷ lệ trích, mức trích khi Nhà nước điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Sở (phòng) Lao động -Thương binh và xã hội tỉnh, Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh, huyện

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành chủ trì hợp xem xét hồ sơ nợ rủi ro do Chi nhánh NHCSXH tỉnh (huyện) đề nghị, kiểm tra hiệu quả việc sử dụng vốn ủy thác cho vay.

b) Phối hợp Sở Tài chính (phòng Tài chính -Kế hoạch) đề nghị xử lý những vấn đề liên quan đến sử dụng vốn cho vay ủy thác; giám sát tính hợp pháp của hợp đồng vay vốn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội bố trí nguồn vốn, kiểm tra tình hình sử dụng và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của tỉnh (huyện) chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện phân phối lãi theo đúng quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đảm bảo đúng quy chế.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định hiện hành.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh (huyện) về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) chuyển qua NHCSXH trước ngày 31/01 của năm sau.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện cho vay theo ủy thác.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

6. UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

7. UBND xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Có ý kiến về đề nghị xử lý nợ rủi ro của người vay.

d) Chủ động thường xuyên điều tra, bổ sung kịp thời vào danh sách những hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét hướng dẫn và sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng